TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2020/QĐST – HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 23 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 181/2020/TLST – HNGĐ, ngày 15 tháng 9 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Đặng Phước D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Xóm Ch, thôn Ph, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đặng Phước D và Chị Nguyễn Thị T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 12/5/2015. Sau khi kết hôn anh, chị sống với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn với lý do cả hai bất đồng quan điểm trong cách sống, sống với nhau không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cải vã. Năm 2017 chị T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng sau đó chị rút đơn, từ khi chị rút đơn khởi kiện anh, chị vẫn không thể đoàn tụ và sống ly thân từ đó cho mãi đến nay, anh chị đều xác định đến nay không còn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Anh Đặng Phước D và Chị Nguyễn Thị T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] *Về con chung*: Anh Đặng Phước D và Chị Nguyễn Thị T thống nhất có một con chung là Đặng Duy Kh, sinh ngày 26/6/2015. Trong thời gian anh, chị sống ly thân thì cháu Kh ở với chị T. Anh, chị thỏa thuận giao con Đặng Duy Kh cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận về nuôi con của anh, chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Duy Kh, sinh ngày 26/6/2015 cho chị T, mức cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đặng Phước D và Chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh Đặng Phước D và Chị Nguyễn Thị T thống nhất có một con chung là Đặng Duy Kh, sinh ngày 26/6/2015. Anh, chị thỏa thuận giao con Đặng Duy Kh cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con:Anh Duy cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Duy Kh, sinh ngày 26/6/2015 cho chị T, mức cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi

Anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

1.4. *Về lệ phí sơ thẩm:* 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh Đặng Phước D và Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh D, chị T đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nên được khấu trừ

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/000867, ngày 15/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung